

Số: /QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
ngành Kinh tế quốc tế

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-HVCSPT ngày 06/07/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo tại Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ đề xuất của Khoa Kinh tế quốc tế và Biên bản thông qua chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế quốc tế của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế quốc tế áp dụng từ Khóa 13 tuyển sinh năm 2024. (Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa Kinh tế quốc tế, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: VT, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVCSPT ngày tháng năm 2024
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Ngành đào tạo	:	KINH TẾ QUỐC TẾ
Trình độ đào tạo	:	THẠC SĨ
Chuyên ngành	:	KINH TẾ QUỐC TẾ
Mã số	:	8310106
Định hướng đào tạo	:	Ứng dụng

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo¹

1.2. Mục tiêu chung

Chương trình Thạc sỹ Kinh tế Quốc tế theo định hướng ứng dụng tập trung đào tạo nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực quản lý và thực thi chính sách kinh tế quốc tế. Học viên được cung cấp kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý, điều phối và giám sát việc ban hành, áp dụng và thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô về các quan hệ kinh tế quốc tế bao gồm thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, kinh doanh quốc tế, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó, chương trình thiết kế các chuyên đề thực tế tạo cơ hội cho học viên tiếp xúc với các chuyên gia làm việc trong lĩnh vực hoạch định, quản lý và thực thi chính sách từ các Bộ, Ban, Ngành của nhà nước nhằm tăng cường hiểu biết cũng như các vấn đề, trở ngại, thách thức trong thực tế cho học viên.

Học viên tốt nghiệp chương trình Kinh tế Quốc tế theo hướng ứng dụng có thể làm việc đa dạng trong các lĩnh vực các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, cũng như tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp xuất nhập khẩu và các doanh nghiệp khác có lĩnh vực chuyên môn liên quan.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức:

○ PO1: Có kiến thức chuyên môn về quản lý và thực thi pháp luật và chính sách trong thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, quản trị dự án và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, logistics và chuỗi cung ứng, quản trị rủi ro do tiến trình toàn cầu hóa mang lại.

○ PO2: Có kiến thức nền tảng, cập nhật về các vấn đề kinh tế, kinh doanh quốc tế, quản lý và công cụ phân tích tác động của bối cảnh địa chính trị khu vực và quốc tế đến hành vi của các chủ thể trong nền kinh tế thế giới.

¹ Chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng ứng dụng phù hợp với năng lực, điều kiện và định hướng phát triển của Học viện trong từng giai đoạn và phụ thuộc yêu cầu thực tiễn của xã hội về đào tạo nguồn nhân lực.

○ PO3: Sử dụng kiến thức chuyên môn sâu, hiện đại về kinh tế thế giới, toàn cầu hóa, cơ sở và lợi ích của các quan hệ kinh tế quốc tế và những quy định, chính sách, định hướng ảnh hưởng đến các quan hệ đó để hoạch định và thực thi chính sách kinh tế đối ngoại của quốc gia, cũng như lập kế hoạch chiến lược cho các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

- Về kỹ năng:

○ PO4: Hoàn thành được công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; đồng thời có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc hằng ngày;

○ PO5: Kỹ năng tư duy độc lập và khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá một cách toàn diện các vấn đề trong quản lý và thực thi chính sách kinh tế quốc tế ở tầm vĩ mô để thu thập và cung cấp những phản hồi hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách;

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

○ PO 6: Có phẩm chất chính trị vững vàng, nắm vững những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; có năng lực tự chịu trách nhiệm cho các quyết định chuyên môn và tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; tích cực tự học hỏi tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT

PLO	Mã PLOs	Mô tả
Kiến thức	PLO1.1	Hiểu, vận dụng phương pháp luận, các lý thuyết kinh tế học, chính sách công, mô hình kinh tế vào việc phân tích, bình luận các vấn đề thực tiễn kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.
	PLO1.2	Hiểu và vận dụng các phương pháp và công cụ phân tích để đánh giá tác động của các yếu tố thuộc về môi trường kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế đến hành vi của các chủ thể trong nền kinh tế.
	PLO1.3	Phân tích, đánh giá tình huống chuyên sâu, tư duy mở và cập nhật về về kinh tế - xã hội và quản lý ngành, liên ngành vào phân tích các quan hệ kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng kéo theo các rủi ro.
	PLO1.4	Nắm vững kiến thức chuyên môn nâng cao trong lĩnh vực kinh tế quốc tế như các quan hệ kinh tế quốc tế và những quy định, chính sách, định hướng ảnh hưởng đến các quan hệ đó; nhận diện được các hình thức và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế trong việc hoạch định và thực thi chính sách kinh tế đối ngoại của một quốc gia, cũng như quản lý hoạt động của các doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh toàn cầu; Hệ thống hóa và thiết lập các khuyến nghị, giải pháp thực thi trong thực tiễn

		kinh tế- xã hội.
Kỹ năng	PLO2.1	Thực hiện thành thạo tìm kiếm, thu thập thông tin, số liệu chuyên môn; lựa chọn, tổng hợp, phân biệt, sắp xếp các thông tin, tài liệu, số liệu chuyên ngành.
	PLO2.2	Thực hiện làm việc độc lập, cũng như phối hợp làm việc nhóm; Thuần thục trong giao tiếp bằng văn bản; viết báo cáo dạng sử dụng trong công việc và dạng báo cáo nghiên cứu khoa học; Thành thạo thuyết trình các vấn đề thuộc chuyên môn và chuyên môn gần.
	PLO2.3	Thực hiện truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề về kinh tế quốc tế và quản lý các hoạt động kinh tế đối ngoại và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.
	PLO2.4	Làm tốt công tác tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện và quản lý các hoạt động kinh tế đối ngoại.
	PLO2.5	Thực hiện sử dụng các công cụ và công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và triển khai thực hiện, quản lý các hoạt động thuộc các lĩnh vực của kinh tế quốc tế.
	PLO2.6	Sử dụng thành thạo ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 trong khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
Thái độ, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	PLO3.1	Tuân thủ quy định pháp luật, quy chế tại nơi làm việc; thực hiện tốt việc rút kinh nghiệm, chủ động đề xuất các sáng kiến giải quyết vấn đề, đánh giá và cải tiến trong quản lý và nghiên cứu các hoạt động kinh tế quốc tế ở các cấp độ khác nhau.
	PLO3.2	Định hướng, thích ứng với môi trường nghề nghiệp thay đổi và có năng lực thích ứng với bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa; thực hiện tự chịu trách nhiệm cao với kết quả công việc chuyên môn được giao.

2.2. Tiêu chí đánh giá (Ma Trận PI)

Mã CDR	Mã PI	Nội dung đo lường
PLO1.1	PI 1.1.1	Nắm vững kiến thức thống kê, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học vận dụng vào giải bài toán kinh tế, phân tích ra quyết định thích ứng với bối cảnh kinh tế - xã hội
	PI 1.1.2	Nắm vững nguyên lý của kinh tế học, mô hình kinh tế, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, vận hành hệ thống tổ chức. Phân tích, bình luận được tình huống tác động của chính sách tới tình hình kinh tế xã hội tại Việt Nam.
PLO1.2	PI 1.2.1	Sử dụng kiến thức thống kê và phân tích dữ liệu, phương pháp luận trong nghiên cứu để phân tích, đánh giá và bình luận các vấn đề kinh tế-xã hội trong nước và quốc tế.
	PI 1.2.2	Áp dụng công cụ, mô hình phân tích kinh tế vào giải thích hành vi của các chủ thể trong nền kinh tế và có khả năng đưa ra một số khuyến nghị giải pháp.
PLO1.3	PI 1.3.1	Vận dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý, pháp luật, chính sách vào thực tiễn tổ chức thực hiện các hoạt động kinh tế - xã hội trong nước.

	PI 1.3.2	Nhận thức rõ sự phụ thuộc trong định hướng và chính sách phát triển kinh tế - xã hội liên ngành cũng như tác động của toàn cầu hóa đến công tác hoạch định chính sách của một quốc gia.
PLO1.4	PI 1.4.1	Áp dụng được các kiến thức lý luận chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế như các quan hệ kinh tế quốc tế và những quy định, chính sách, định hướng ảnh hưởng đến các quan hệ đó để hoạch định và thực thi chính sách kinh tế đối ngoại của quốc gia.
	PI 1.4.2	Xác định được những cơ hội và rủi ro trong hoạt động của các chủ thể kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và các thách thức mà nó mang lại để thiết lập các khuyến nghị, giải pháp quản lý và thực thi trong thực tiễn kinh tế- xã hội.
	PI 1.4.3	Ứng dụng được kiến thức nâng cao cả về lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế để lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh toàn cầu.
PLO2.1	PI 2.1.1	Có kỹ năng thành thạo trong thu thập, tổng hợp, sắp xếp và phân loại dữ liệu phục vụ công việc chuyên môn;
	PI 2.1.2	Có kỹ năng thiết kế nghiên cứu, phân tích số liệu, sử dụng thành thạo các phần mềm xử lý số liệu phục vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
PLO2.2	PI 2.2.1	Sử dụng thành thạo các công cụ tin học văn phòng để soạn thảo và trình bày một cách khoa học các báo cáo chuyên môn dưới dạng văn bản lẫn thuyết trình.
	PI 2.2.2	Có khả năng làm việc độc lập, xây dựng được kế hoạch công việc chuyên môn cho bản thân và điều phối hoạt động nhóm.
PLO2.3	PI 2.3.1	Có kỹ năng và phương pháp truyền đạt, diễn giải, giải thích và thảo luận các vấn đề chuyên môn sâu lĩnh vực kinh tế quốc tế với đồng nghiệp, chuyên gia, nhà nghiên cứu khác.
	PI 2.3.2	Có kỹ năng thảo luận, đàm phán, thuyết phục đối tác để giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc.
PLO2.4	PI 2.4	Phối hợp linh hoạt các nguồn lực có sẵn để điều phối, tổ chức thực hiện và hướng dẫn thực thi chính sách trong quản lý kinh tế quốc tế.
PLO2.	PI 2.5.1	Phối hợp được các phương pháp, công cụ kỹ thuật phân tích để đưa ra các giải pháp chính sách cho các cơ quan nhà nước để thực hiện quản lý các hoạt động kinh tế quốc tế
	PI 2.5.2	Phối hợp được các phương pháp, công cụ kỹ thuật phân tích để hoạch định chiến lược cho các doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh toàn cầu
PLO2.6	PI 2.6.1	Hiểu, trích dẫn và tổng kết được các tài liệu chuyên ngành trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế bằng Tiếng Anh.
	PI 2.6.2	Sử dụng được Tiếng Anh trong giao tiếp với đối tác, trao đổi học thuật và trình bày tóm tắt nội dung nghiên cứu.
PLO3.1	PI 3.1.1	Tuân thủ pháp luật, các quy định, quy chế tại đơn vị, nghiêm túc trong công tác phê và tự phê, có đạo đức nghề nghiệp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng
	PI 3.1.2	Chủ động tìm tòi và đề xuất sáng kiến giải quyết vấn đề, đánh giá và cải tiến trong quản lý và nghiên cứu các hoạt động kinh tế quốc tế ở các cấp độ khác nhau.

PLO3.2	PI 3.2.1	Chủ động nghiên cứu và học tập để phát triển năng lực cá nhân thích ứng với môi trường làm việc áp lực cao, thường xuyên thay đổi trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
	PI 3.2.2	Hoàn thành nhiệm vụ công việc và có năng lực tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc được giao.

3. Ma trận liên kết các chuẩn đầu ra với mục tiêu của chương trình đào tạo

Ký hiệu	Mục tiêu của CTĐT					
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO1.1	x	x				x
PLO1.2	x	x			x	
PLO1.3	x	x	x		x	
PLO1.4	x	x	x	x	x	x
PLO2.1		x	x	x	x	
PLO2.2			x	x	x	x
PLO2.3			x	x	x	x
PLO2.4			x	x	x	x
PLO2.5		x	x	x	x	x
PLO2.6			x	x	x	x
PLO3.1			x	x		x
PLO3.2	x	x	x	x		x

4. Ma trận liên kết các thành phần bắt buộc của chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra.

STT	Nội dung	Tín chỉ	Chuẩn đầu ra												
			PLO1.1	PLO1.2	PLO1.3	PLO1.4	PLO2.1	PLO2.2	PLO2.3	PLO2.4	PLO2.5	PLO2.6	PLO3.1	PLO3.2	
1	Triết học	4	3					x	x	x				x	x
2	Kinh tế học quản lý	3	3	4				x						x	
3	Nguyên lý cơ bản về chính sách công	3	3	3				x						x	x
4	Kinh tế phát triển	3		4	4			x						x	
5	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách	3	4			3						x		x	
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	4	4	3			x	x	x	x		x	x	x
7	Quản trị chiến lược nâng cao	3	3		4	3					x	x		x	x
8	Quản lý dự án đầu tư khu vực công	3		4	4			x	x	x	x	x			x
9	Thống kê và phân tích dữ liệu	3	4	4								x	x	x	
10	Phân tích và đánh giá chính sách công	3		3	4						x			x	x
11	Chính sách thuế	3		3	4	3		x			x			x	x
12	Tài chính phát triển	2			4	4		x	x	x			x	x	x
13	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	2		4					x			x		x	
14	Pháp luật kinh tế quốc tế	2			4	5				x	x		x		x
15	Chính sách thương mại quốc tế	3			4	5		x	x	x	x	x	x	x	x
16	Toàn cầu hóa và các rủi ro	3		3	5	4		x	x		x		x		x
17	Logistic và chuỗi cung ứng toàn cầu	3			4	5		x	x	x		x	x	x	x
18	Đầu tư quốc tế	2			4	5		x	x		x		x	x	x
19	Tài chính quốc tế	3		4		4		x				x	x	x	x
20	Quản trị dự án và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3			4	5		x	x	x	x	x	x	x	x

STT	Nội dung	Tín chỉ	Chuẩn đầu ra											
			PLO1.1	PLO1.2	PLO1.3	PLO1.4	PLO2.1	PLO2.2	PLO2.3	PLO2.4	PLO2.5	PLO2.6	PLO3.1	PLO3.2
21	Quản trị kinh doanh quốc tế	2			4	5	x	x	x			x		x
22	Quản trị rủi ro nâng cao	3			4	4				x	x	x		x
23	Khoa học lãnh đạo	3			4	4	x	x	x	x			x	x
24	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	4	4		3				x	x		x	x
25	Chuyên đề thực tế 1	3	4	3	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
26	Chuyên đề thực tế 2	3	4	4	4	5	x	x	x	x	x	x	x	x
27	Đề án tốt nghiệp	3	4	4	5	5	x	x	x	x	x	x	x	x

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 62 tín chỉ.

6. Đối tượng tuyển sinh:

- Đã tốt nghiệp đại học trong và ngoài nước
- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định đào tạo thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

7. Tiêu chí tuyển sinh: Theo thông báo tuyển sinh của Học viện.

8. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10

9. Nội dung chương trình

9.1. Cấu trúc cơ bản

Kiến thức	Số TC	Tỷ lệ
1. Kiến thức chung	13	21%
2. Kiến thức cơ sở ngành	12	19.4%
2.1. Các học phần bắt buộc	9	14.5%
2.2. Các học phần tự chọn	3	4.9%
3. Kiến thức ngành và chuyên ngành	22	35.5%
2.1. Các học phần bắt buộc	13	21%
2.2. Các học phần tự chọn	9	15.5%
5. Thực tập và đề án tốt nghiệp	15	24.1%
TỔNG SỐ	62	100%

Khối kiến thức chung cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng và những kỹ năng cơ bản, là tiền đề cho các học phần của khối cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo về sau, đồng thời, cũng là tiền đề cho việc học tập nâng cao trình độ cho học viên sau khi tốt nghiệp đại học.

Khối kiến thức cơ sở ngành giúp bổ sung kiến thức và kỹ năng chung cơ bản của khối ngành kinh tế và kinh doanh, là tiền đề cho các học phần của ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo về sau.

Khối kiến thức ngành/chuyên ngành giúp bổ sung kiến thức và kỹ năng liên quan đến các hoạt động chính trong nền kinh tế quốc gia nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung.

9.2. Nội dung chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy:

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học kỳ
I		KIẾN THỨC CHUNG	13	
1	CHLL02	Triết học	4	1

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học kỳ
2	CHPT04	Kinh tế học quản lý	3	1
3	CHKS03	Thống kê và phân tích dữ liệu	3	2
4	CHPT14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
II	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH		12	
II.1	Học phần bắt buộc		9	
1	CHCS01	Nguyên lý cơ bản về chính sách công	3	1
2	CHPT06	Kinh tế phát triển	3	1
3	CHPT01	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách	3	1
II.2	Học phần lựa chọn		3	
1	CHKD07	Quản trị chiến lược nâng cao	3	2
2	CHKT03	Quản lý dự án đầu tư khu vực công	3	2
3	CHCS05	Phân tích và đánh giá chính sách công	3	2
III	KIẾN THỨC NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH		22	
III.1	Học phần bắt buộc		13	
1	CHLU02	Pháp luật kinh tế quốc tế	2	3
2	CHQT01	Chính sách thương mại quốc tế	3	3
3	CHQT05	Toàn cầu hóa và các rủi ro	3	3
4	CHQT07	Logistic và chuỗi cung ứng toàn cầu	3	3
5	CHIS01	Đầu tư quốc tế	2	3
V	Học phần lựa chọn		9	
1	CHKK01	Chính sách Thuế	3	2
2	CHTC04	Tài chính phát triển	2	2
3	CHKS02	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	2	2
4	CHIS02	Tài chính quốc tế	3	3
5	CHQT06	Quản trị dự án và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3	3
6	CHQT04	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	3
7	CHKT02	Quản trị rủi ro nâng cao	3	3
8	CHCS03	Khoa học lãnh đạo	3	3
9	CHKD03	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	2	3
VIII	THỰC TẬP VÀ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		15	
1	CHCD01	Chuyên đề thực tế 1	3	4
2	CHCD02	Chuyên đề thực tế 2	3	4
3	CHDA01	Đề án tốt nghiệp	9	4
	TỔNG CỘNG		62	

10. Đối sánh với một số chương trình đào tạo trong nước và ngoài nước

STT	Tên học phần	CT1	CT2	CT3	CT4	CT5	CT6
CHLL02	Triết học	x	x	x			x
CHPT04	Kinh tế học quản lý	c	c		x	x	
CHKS03	Thống kê và phân tích dữ liệu		c			c	c
CHPT14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x	x	x	x	x	c
CHCS01	Nguyên lý cơ bản về chính sách công						
CHPT06	Kinh tế phát triển	c	x	c			
CHPT01	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách		c		c	c	c
CHKD07	Quản trị chiến lược nâng cao			c			
CHKT03	Quản lý dự án đầu tư khu vực công						
CHCS05	Phân tích và đánh giá chính sách công						
CHLU02	Pháp luật kinh tế quốc tế	c			c		
CHQT01	Chính sách thương mại quốc tế	x	c	x	c	x	x
CHQT05	Toàn cầu hóa và các rủi ro		x	x			x
CHQT02	Logistic & chuỗi cung ứng toàn cầu	x		x	x	c	c
CHIS01	Đầu tư quốc tế	x	x	x		x	x
CHKK01	Chính sách Thuế				c		
CHTC04	Tài chính phát triển	c		c		c	
CHKS02	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh						
CHIS02	Tài chính quốc tế	c	x	x	c		x
CHKD06	Quản trị dự án và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			c			x
CHQT03	Quản trị kinh doanh quốc tế	c	c	c			x
CHKT02	Quản trị rủi ro nâng cao			c	c	x	
CHCS03	Khoa học lãnh đạo			c	c	x	x
CHKD03	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	c					c

Ghi chú: + c (close): Học phần có nội dung gần

+ x: Học phần có nội dung tương thích

Ký hiệu	Chương trình đối sánh	Địa chỉ tham chiếu
CT1	Học viện Ngoại giao	https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-thac-si-kinh-te-quoc-te/

CT2	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	https://sdh.neu.edu.vn/storage/files/Khung%20CTDT%20thac%20si%202022.pdf
CT3	Trường Đại Học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội	https://admin.cms.ueb.edu.vn/ckfinder/connector?command=Proxy&lang=vi&langCode=vi&type=abc&currentFolder=%2Fhoangduchung%2F&hash=f8c1d87006fbf7e5cc4b026c3138bc046883dc71&fileName=KCT%20ThS%20KTQT.pdf
CT4	University of Glasgow	https://www.gla.ac.uk/postgraduate/taught/economicsinternationalbankingfinance/
CT5	The University of Queensland	https://study.uq.edu.au/study-options/programs/master-international-economics-and-finance-5590
CT6	Trường Đại Học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh	https://ktdn.uel.edu.vn/dao-tao-nghien-cuu/thong-bao-tuyen-sinh-chuong-trinh-thac-si-kinh-te-quoc-te

11. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.
- Được công nhận tốt nghiệp khi hoàn thành đầy đủ các học phần và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ và đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định đào tạo thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

12. Hướng dẫn thực hiện

Thời gian áp dụng: Áp dụng cho khóa đào tạo tuyển sinh từ năm 2024. Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 02 năm, mỗi năm có 2-3 học kỳ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

Người học nhập học được đăng ký theo kế hoạch giảng dạy của Học viện. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, người học có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

Chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế.

Quá trình thực hiện chương trình tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính sách và Phát triển. Theo lộ trình đào tạo, học viên sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức chung và kiến thức cơ sở ngành trong 1-2 kì học đầu tiên; các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành sẽ được học trong học kỳ 2 và 3. Học kỳ 3/4 thông thường sẽ dành cho học phần tốt nghiệp (đề án tốt nghiệp).

Học phần thực tập có thể được thực hiện linh hoạt từ học kỳ 2 trở đi. Đối với các học phần tự chọn, Khoa hướng dẫn học viên chọn các học phần phù hợp nhất với các mục tiêu học tập và nghề nghiệp của học viên cũng như các điều kiện thực tế và các yêu cầu xã hội.

13. Hướng dẫn về đảm bảo chất lượng đào tạo

Chương trình đào tạo được xem xét và cập nhật hàng năm. Cứ sau 5 năm, chương trình đào tạo được xem xét tổng thể, toàn diện để có các cập nhật cho phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

Việc thực hiện đảm bảo chất lượng đào tạo chương trình tuân thủ theo Quy chế đảm bảo chất lượng giáo dục áp dụng tại Học viện Chính sách và Phát triển (ban hành kèm theo Quyết định số 1396/QĐ-HVCSPT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

PHÓ TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

TS. Bùi Thuý Vân

PGS.TS. Trần Trọng Nguyên